TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 26-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Sơn Lâm;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Sậm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thanh P, sinh năm 1979; Tên gọi khác: A B; Nơi sinh: L-An Giang; Nơi cư trú: Tổ B, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Văn T-1950 (chết); Mẹ: Trần Thị Đ-1952 (sống); A, chị, em ruột: Có 10 người (lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1988); Vợ: Lê Thị Lùng E-1966; Con: Trần Trung K-2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn T1-1987-yêu cầu vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Anh K1-1995-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 04/01/2024, Trần Thanh P thuê xe honda ôm đi trên quốc lộ H hướng từ lộ tẻ T về huyện T, tỉnh Kiên Giang, trên đường đi thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên khi đến ấp P, thị trấn T thì P xuống xe và đi bộ trên đường mục đích để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến nhà số D thuộc ấp P, thị trấn T, P quan sát thấy một xe máy hiệu Blade, biển số 65L1 – 229.03 đang đậu phía trong hàng rào trước cửa nhà không có người trông coi, lúc này P nảy sinh ý định lấy trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài nên đã lén lúc đi vào bên trong dẫn xe ra khỏi hàng rào khoảng 08 mét thì bị anh Nguyễn Anh K1 và anh Bùi Văn T1 phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HDĐGTS, ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 xe máy hiệu Honda, loại Blade, biển số: 65L1 229.03, số máy: JA36B0452843, số khung: 365XGY014098, màu đen vàng đồng, tình trạng đã qua sử dụng, trị giá 6.510.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe máy biển số 65L1 – 229.03 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Bùi Văn T1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý trả lại cho bị hại ông Bùi Văn T1 01 xe máy biển số 65L1 – 229.03 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Bùi Văn T1, ông T1 không có yêu cầu gì thêm và không yêu cầu xử lý hình sự đối với P.

Tại cáo trạng số 12/CT-VKSVT ngày 22/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo Trần Thanh P về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và khai nhận hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì thêm, đồng thời đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự và không có yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Công nhận Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý trả lại cho bị hại ông Bùi Văn T1 01 xe máy biển số 65L1 – 229.03 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Bùi Văn T1.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đối với bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, trường hợp cần thiết sẽ công bố lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Như vậy, có đủ cơ sở xác định vào khoảng vào khoảng 17 giờ ngày 04/01/2024, bị cáo đến nhà số D thuộc ấp P, thị trấn T, quan sát thấy một xe máy hiệu Blade, biển số 65L1 – 229.03 đang đậu phía trong hàng rào trước cửa nhà không có người trông coi, bị cáo lén lút trộm xe thì bị phát hiện bắt quả tang. Căn cứ vào

Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HDĐGTS, ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 xe máy hiệu Honda, loại Blade, biển số: 65L1-229.03, số máy: JA36B0452843, số khung: 365XGY014098, màu đen vàng đồng, tình trạng đã qua sử dụng, trị giá 6.510.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, việc đưa ra truy tố và xét xử bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Xét bị cáo người đã trưởng thành đã có gia đình vợ con, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo không biết tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sống có ít cho gia đình và xã hội, làm gương cho con cháu noi theo, mà lại có tính tham lam mong muốn có tài sản tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động nên cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại để lén lút trộm tài sản nhằm bán lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản trộm đã trả lại cho bị hại xong, bị hại không có yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Theo như nhận định và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 05/01/2024.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thanh P phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thanh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Sáu